

Bản án số: **1023/2017/HNGĐ-PT**
Ngày: 17-11-2017
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung.

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2017/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1031/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2452/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Minh M, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: đường Số X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

Ông Trần Văn N, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: đường Số A, Khu phố B, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh M trình bày như sau:

Bà và ông Trần Văn N tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z cấp ngày 26 tháng 3 năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; hai người thường xuyên gây gỗ, cãi vã, ông N đã có hành vi bạo lực đối với bà. Về tính cách, ông N là người gia trưởng, không minh bạch về tài chính trong gia đình. Từ tháng 3 năm 2017 bà đã dọn ra ở riêng, cả hai không còn tình cảm và quan tâm gì đến nhau. Bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Trần Văn N để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn N có 01 con chung là trẻ Trần Mẫn N, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2012. Bà đồng ý giao con chung cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung do ông N không yêu cầu nên bà không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, bị đơn ông Trần Văn N trình bày:

Ông đồng ý với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân và về con chung. Những lí do bà M đưa ra để yêu cầu ly hôn là không đúng. Do tính chất công việc, bà M thường xuyên vắng nhà, thiếu quan tâm đến gia đình nên có lúc ông đã nói nặng lời dẫn đến bà M yêu cầu ly hôn. Trong thời gian chung sống gần 10 năm nay, ông luôn thương yêu vợ, cùng nhau cố gắng để có con chung. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà M, mong muốn hòa giải, hàn gắn đoàn tụ gia đình và cùng nhau chăm sóc cho con, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà M.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Mẫn N, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2012, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1031/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 203, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh M: Bà M được ly hôn với ông Trần Văn N. Giấy chứng nhận kết hôn số 53 quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z cấp ngày 26 tháng 3 năm 2009 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Trần Mẫn N, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2012 cho ông Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 8 năm 2017 bị đơn ông Trần Văn N có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để các bên có thêm thời gian hàn gắn, đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xác định kháng cáo bản án sơ thẩm, ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà M. Ông yêu cầu được đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh M không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn với lý do ông Mẫn không yêu thương và không đem lại hạnh phúc cho bà. Đến nay, cuộc sống hôn nhân giữa hai người không thể tiếp tục duy trì, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Tình trạng hôn nhân hiện tại giữa nguyên đơn và bị đơn chưa mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng, còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không giải quyết cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn N làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Bà Nguyễn Thị Minh M và ông Trần Văn N tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53 quyển số 01/2009 ngày 26 tháng 3 năm 2009 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai người có con chung là trẻ Trần Mẫn N, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2012.

Nguyên đơn trình bày vợ chồng bà đã có mâu thuẫn trong thời gian dài, hai người không thường xuyên gần gũi, bà không cảm nhận được tình cảm từ phía ông N. Bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn N để ổn định cuộc sống riêng; bà đồng ý giao con chung cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng vì ông N không yêu cầu. Tòa sơ thẩm nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã ở mức độ trầm trọng, nguyên nhân là do hai người thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau; từ đó, giải quyết cho bà M được ly hôn với ông N; giao con chung cho ông N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bị đơn ông Trần Văn N không đồng ý với phần trình bày của nguyên đơn về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Bà M khởi kiện yêu cầu ly hôn là do đôi khi ông có góp ý về việc bà M quá bận rộn trong công việc, không giành nhiều thời gian chăm lo cho gia đình. Ông xác định vẫn còn yêu thương vợ, những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình có thể giải quyết được. Hơn nữa, hiện con chung còn nhỏ (mới hơn 05 tuổi) nên rất cần sự chăm sóc và tình thương từ cả cha lẫn mẹ. Ông không đồng ý ly hôn, mong muốn có thêm thời gian để hàn gắn đoàn tụ gia đình.

[2] Theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về ly hôn theo yêu cầu của một bên thì Tòa án giải quyết cho ly hôn khi có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cũng theo quy định tại Luật này, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Xem xét về căn cứ giải quyết cho ly hôn trong vụ án này, mặc dù nguyên đơn đưa ra lí do để được giải quyết ly hôn xuất phát từ việc ông N có hành vi bạo lực, tính cách gia trưởng, vợ chồng có khúc mắc về tài chính gia đình dẫn đến mâu thuẫn nhưng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; đồng thời, nguyên đơn cũng không chứng minh được việc bị đơn vi phạm quyền, nghĩa vụ của người chồng trong quá trình hai người chung sống dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, kết quả xác minh tại địa phương và lời trình bày của người thân cùng chung sống với nguyên đơn, bị đơn thể hiện giữa ông N và bà M tuy có mâu thuẫn nhưng không gay gắt.

Do vậy, xuất phát từ mong muốn đoàn tụ gia đình của bị đơn và căn cứ vào tình trạng hôn nhân hiện tại của các bên đương sự vẫn còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa. Trường hợp vẫn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, có căn cứ để yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì vợ hoặc chồng có quyền khởi kiện lại theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn ông Trần Văn N vì làm trong thời hạn luật định.

II. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1031/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh M: Không giải quyết cho bà Nguyễn Thị Minh M ly hôn với ông Trần Văn N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Minh M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002197 ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000896 ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nhận tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND quận T, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS quận T, Tp. HCM;
- UBND Phường 11, Quận 6, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN **THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN –**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

Võ Thị Mỹ Hạnh

Nguyễn Văn Tuấn